TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2019/DS-PT
Ngày: 19 - 11 -2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Trần Thị Kim Em.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 408/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1978;

HKTT: số 13/579A, quốc lộ 1A, phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 170/18A, đường T, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Anh **Dương Thành C**, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được chứng thực số 462 ngày 07/11/2019)

- *Bị đơn*:

1. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1953;

2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1956;

Ông T1 và bà Đ cùng địa chỉ: số 61, Ô2, khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà Đ: Chị **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được chứng thực số 1655 ngày 09/11/2019)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Minh T và người đại diện theo ủy quyền của anh T là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Qua giới thiệu anh có cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ mượn tiền nhiều lần, hẹn lần hẹn lượt không trả nên đến ngày 17/9/2018, anh T và ông T1, bà Đ đã tổng kết nợ và lập giấy biên nhận mượn tiền do ông T1 và bà Đ ký tên xác nhận còn thiếu số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 21/9/2018, không có thỏa thuận lãi suất. Đến hạn, ông T1 và bà Đ không trả cho anh dù anh đã đến đòi nhiều lần. Khi lập biên nhận mượn tiền có anh Phạm Hoài N làm chứng nhưng hiện anh N ở đâu anh T không biết và cũng không rõ địa chỉ liên lạc. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc ông T1 và bà Đ trả cho anh số tiền 1.600.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 17/9/2018, ông bà có làm biên nhận mượn tiền 1.600.000.000 đồng. Nguyên nhân ông bà viết giấy nợ này do ông bà vay tiền ngân hàng đóng lãi nhiều nên có mượn tiền anh T. Nhưng sự thật lúc mượn tiền thì ông bà có cầm 01 căn nhà 1.000.0000.000 đồng, lãi 3% thực nhận 900.000.000 đồng, 01 chiếc xe Toyota Atis đời 2016 biển số 63A-05.331 cầm 210.000.000 đồng nhưng ông bà chỉ nhận 1.110.000.000 đồng, có làm hợp đồng chuyển nhượng với anh T, do anh T ép buộc nên mới viết biên nhận 1.600.000.000 đồng. Nay ông bà chỉ đồng ý trả 1.110.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần trong vòng 06 tháng, đồng thời ông bà yêu cầu anh T trả lại tài sản là căn nhà và xe cho ông bà. Tại tòa ông bà đồng ý trả 1.600.000.000 đồng cho anh T nhưng anh T phải trả lại căn nhà và xe cho ông bà.

- Bản án sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Lê Minh T số tiền 1.600.000.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 176/2019/DSST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang vì cho rằng thực tế ông T1, bà Đ chỉ nợ anh Lê Minh T 1.100.000.000 đồng và có thế chấp cho anh T nhà và xe để đảm bảo khoản vay này, còn giấy nợ 1.600.000.000 đồng mà ông bà đã ký với anh T là không có thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ là chị Trần Thị Kim P trình bày số tiền 1.600.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bao gồm cả vốn và lãi, thực tế khi ông T1 và bà Đ cầm nhà và xe cho anh T, ông bà chỉ nhận 1.110.000.000 đồng. Ông T1, bà Đ đồng ý trả 1.110.000.000 đồng khi anh T trả cho ông bà nhà và xe. Trường hợp Tòa phúc thẩm không chấp nhận sửa án thì đề nghị hủy án giao hồ sơ vụ án về Tòa sơ thẩm xét xử lại.

Anh Dương Thành C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Tại Tòa sơ thẩm bị đơn khai số nợ 1.600.000.000 đồng liên quan đến tài sản thế chấp là nhà, đất và xe. Đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch chuyển nhượng nhà xe nhưng Tòa sơ thẩm không thu thập chứng cứ làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của đương sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày và tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Đ thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về tư cách người tham gia

tố tụng, nguyên đơn Lê Minh T ủy quyền cho Dương Thành C, bị đơn Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho Trần Thị Kim P làm đại diện tại phiên tòa phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 135, 138 của Bộ luật dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288, 351, 357, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn anh Lê Minh T khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ cùng liên đới trách nhiệm trả nguyên đơn 1.600.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận ngày 17/9/2018.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có nợ tiền vay của nguyên đơn nhưng số tiền không đúng như nguyên đơn khai. Bị đơn chỉ nợ nguyên đơn 1.100.000.000 đồng và có thế chấp nhà và xe ô tô cho nguyên đơn thông qua hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Phòng công chứng số 1, nên chỉ đồng ý trả 1.100.000.000 đồng khi nguyên đơn trả nhà, xe cho bị đơn.

Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T1, bà Đ trả 1.600.000.000 đồng nhưng ông T1, bà Đ không đồng ý nên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét thấy: Tại bản tự khai ngày 11/4/2019, ông T1 và bà Đ trình bày ngày 17/9/2018 ông bà có làm biên nhận mượn tiền của Lê Minh T 1.600.000.000 đồng. Nhưng sự thật ông bà có cầm 01 căn nhà 1.000.000.000 đồng đã công chứng tại phòng công chứng số 1, phí 10% thực nhận 900.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, một chiếc xe Toyota Atis đời năm 2016 biển số 63A05331 cầm 210.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Tổng số tiền ông T1, bà Đ nhận 1.110.000.000 đồng nên ông bà chỉ đồng ý trả số tiền này và anh T phải trả lại nhà và xe cho ông bà (Bút lục 14). Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng trình bày rằng "Anh T có làm hợp đồng chuyển nhượng nhà, xe với ông T1, bà Đ hay không sẽ giải quyết trong vụ án khác vì khi ông T1, bà Đ vay tiền của anh T không có làm hợp đồng thế chấp tài sản nào (Bút lục 39). Mặc dù lời khai của bị đơn tại phiên tòa không có chứng cứ chứng minh nhưng đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ giao dịch nhà và xe. Việc này lẽ ra Tòa sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thu thập chứng cứ về lời khai của bị đơn làm cơ sở giải quyết chính xác toàn diện vụ án. Bởi theo khoản 5 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được coi là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản,…hoặc khai tại phiên tòa". Ngoài ra, tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Trường hợp tài liệu, chứng cứ đã được đương sự giao nộp chưa bảo đảm đủ cơ sở giải quyết vụ việc thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và khi xét thấy cần thiết, Tòa án ra quyết định cung cấp chứng cứ". Xét thấy, bị đơn có bản tự khai (Bút lục 14) và khai tại phiên tòa về nhà, xe của bị đơn liên quan đến biên nhận

tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Thế nhưng trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo yêu cầu đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, không tiến hành đối chất cũng không ra quyết định yêu cầu Phòng công chứng số 1 cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem có hay không nội dung giao dịch nhà, xe nói trên để giải quyết vụ án một cách chính xác, toàn diện mà chỉ căn cứ vào biên nhận mượn tiền và đơn yêu cầu, lời khai của nguyên đơn để phán quyết là thiếu căn cứ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn cung cấp bản phô tô hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở giữa ông T1 và bà Đ với anh T lập ngày 09/02/2017. Đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự chuyển nhượng nhà đất và xe nhưng giao dịch đó độc lập với hợp đồng vay, còn thực chất các giao dịch đó như thế nào, kết quả ra sao thì anh hoàn toàn không biết vì anh T không báo cho anh.

Do Tòa sơ thẩm không thực hiện đầy đủ quy định về trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án, Tòa phúc thẩm không thể khắc phục sửa chữa được nên Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo trình tự sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên đúng với quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa sơ thẩm xét xử lại nên Hội đồng xét xử chưa xét đên yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Về án phí phúc thẩm ông T1, bà Đ không phải chịu.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông T1, bà Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm

đã nộp theo biên lai thu số 0002812 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải